

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HSST

Ngày 19/9/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Trung.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Cư;

Ông Võ Đình Vinh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2025/HSST ngày 03 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

+ Đồng Văn Nh, Sinh năm 2001; Quê quán Cát T, Phù C, Bình Định. Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện tại: thôn Ch, xã Krông B, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk (Nay thôn Ch, xã Ea K, tỉnh Đắk Lắk). Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Đồng Văn C và bà Võ Thị Kim D; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2024 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Quảng Nam (nay Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Đà Nẵng), bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ Bị hại: Công ty TNHH xây lắp Hoàng Minh Q; Địa chỉ thôn Phú T, xã Đại L, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật ông Trương Văn M, chức vụ Giám đốc.

Ông Trương Văn M ủy quyền tham gia tố tụng cho Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1995: Địa chỉ thôn 2, xã M'Đr, tỉnh Đắk Lắk. (theo giấy ủy quyền lập ngày 01/9/2024).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trương Văn M, Sinh năm 1974; Trú tại: thôn Phú T, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1995: Trú tại: thôn 2, xã M'Đr, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Bà Trần Thị Thúy H1, Sinh năm 1977: Trú tại: thôn Phú T, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

Ông Lê Anh Q, Sinh năm 1978; Trú tại thôn Tân A, xã Thượng Đức, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

Ông Trần T, Sinh năm 1983; Trú tại: Số 30 đường Đàm Văn Lễ, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Nh là công nhân xây lắp công trình trụ điện ở nhiều địa phương khác nhau. Ngày 10/8/2024, thông qua sự giới thiệu của người quen, Hoàng Xuân H, *nhân viên Công ty TNHH xây lắp Hoàng Minh Q* điện thoại cho bị cáo Nh để thỏa thuận việc thi công 03 cột điện 220kV tại xã La Dê, thành phố Đà Nẵng với giá là 972.000.000 đồng. Ngày 12/08/2024, bị cáo Nh từ Đắc Lắc đến xã La Dê, gặp H trao đổi công việc, bị cáo Nh nhận lời thi công công trình này nên gọi điện thoại cho một người tên Q (*không rõ nhân thân lai lịch*) ở Miền Tây để thuê công nhân. Q đồng ý và gửi số điện thoại của một công nhân tên Phan Trường G để cho bị cáo Nh liên hệ, đồng thời nói bị cáo Nh chuyển 10.000.000 đồng để trả tiền thuê xe. Bị cáo Nh trao đổi với ông H và ông H đồng ý nên chuyển cho bị cáo Nh 10.000.000 qua số tài khoản 0985465069 tại Ngân hàng MB Bank, mang tên Đồng Văn Nh. Ngày 13/08/2024, bị cáo Nh chuyển 10.000.000 đồng này vào số tài khoản 19071825383031 Ngân hàng Techcombank, mang tên Phan Trường G. Ngày 14/08/2024, bị cáo Nh và H điện thoại cho ông Q, ông G để nắm tình hình, nhưng hai người này từ chối không tham gia thi công được nên chuyển lại cho bị cáo Nh 10.000.000 đồng đã nhận trước đó, nhận được tiền bị cáo Nh nói với anh H để bị cáo Nh về Đắc Lắc thuê công nhân. Đến ngày 27/08/2024, bị cáo Nh liên hệ nắm được thông tin từ ông Q và ông G đã thuê được công nhân nên bị cáo Nh chuyển cho ông Phan Trường G 4.000.000 đồng vào số tài khoản cũ để lo tiền ăn uống trên đường đi cho công nhân. Ngày 29/08/2024, bị cáo Nh liên hệ nhà xe (*không nhớ tên và địa chỉ*) chở 12 công nhân từ miền Tây đi Đà Nẵng với giá 15.000.000 đồng và thanh toán cho nhà xe thông qua số tài khoản 5225205021151, Ngân hàng Agribank mang tên HOANG THI ANH L. Đồng thời, bị cáo Nh liên hệ ông Trần T chủ xe khách Huy Hoàng, trú tại Thái Chấn Sơn, xã Thượng Đức, TP Đà Nẵng thuê 01 xe khách 16 chỗ chở công nhân từ trung tâm Đà Nẵng đến xã La Dê với giá 4.000.000 đồng. Sau khi sắp xếp xong, tối cùng ngày, bị cáo Nh bắt xe khách đi từ Đắc Lắc ra Đà Nẵng.

Sáng ngày 30/08/2024, bị cáo Nh có mặt ở nhà xe Huy Hoàng tại Đà Nẵng, rồi đến khách sạn (*không rõ tên, địa chỉ*) đón 12 công nhân lên xã La Dê gặp ông H và ông Trương Văn M, là Giám đốc Công ty TNHH xây lắp Hoàng Minh Q. Tại công trình, sau khi khảo sát và cho công nhân sử dụng thử máy móc, thiết bị, thấy máy tời quá yếu nên ông H nhờ bị cáo Nh thuê giúp máy tời và khung sắt để thi công công trình. Bị cáo Nh liên hệ nhiều nơi nhưng không có kết quả, biết không đủ khả năng thi công công trình này nên bị cáo Nh nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH xây lắp Hoàng Minh Q. Để kế hoạch thành công,

bị cáo Nh nói dối ông M có quen người tên “H1” làm tại Công ty xây lắp điện 504 có trụ sở tại TP Đà Nẵng, bị cáo Nh đã liên hệ và thuê được thiết bị với giá 60.000.000 đồng/tháng (*đây là giá thuê trung bình bị cáo Nh tham khảo trên mạng*) và hẹn ngày mai sẽ xuống trực tiếp để xem thực tế. Chiều cùng ngày, bị cáo Nh yêu cầu ông H cho bị cáo Nh ứng 50.000.000 đồng để trả tiền xe và tiền công nhân, ông H đồng ý nói ông M chuyển vào tài khoản Ngân hàng của bị cáo Nh. Bị cáo nhận được tiền, nhưng bị cáo Nh nói dối 12 công nhân là Công ty chưa chuyển tiền cho bị cáo Nh để thanh toán tiền công, hẹn qua ngày mai sẽ trả luôn 02 ngày. Sau đó, bị cáo Nh đi xe khách Huy Hoàng về lại Trung tâm Đà Nẵng. Sáng ngày 31/08/2024, bị cáo Nh gọi cho ông H nói rằng đã thuê được thiết bị của ông H1 nhưng phải trả tiền thuê trước và yêu cầu ông H chuyển tiền. Ông H nói không quyết định được nên nói bị cáo Nh liên hệ ông M để bàn bạc, ông M nói bị cáo Nh gửi số điện thoại của ông H1 để thương lượng, bị cáo Nh gửi cho ông M số điện thoại 0332.442.535 (*đây là sim rác bị cáo Nh mua ở cửa hàng gần nhà nghỉ, không xác định tên và địa chỉ*), khi ông M gọi đến số điện thoại 0332.442.535, bị cáo Nh nghe máy và giả giọng khác để nói chuyện và yêu cầu ông M chuyển tiền qua tài khoản của bị cáo Nh 60.000.000 đồng với lý do là ông H1 không sử dụng tài khoản Ngân hàng, ông M đồng ý. Khoảng gần 13 giờ 00 cùng ngày, vì tài khoản hết tiền nên ông M chuyển 10.000.000 đồng tiền thuê máy cho bị cáo Nh, sau khi trừ đi 50.000 đồng phí dịch vụ hàng tháng thì bị cáo Nh nhận được 9.950.000 đồng (tại Ngân hàng MB Bank, mang tên bị cáo Nh). Đồng thời, ông M điện thoại cho bị cáo Nh nói bị cáo Nh liên hệ với bà Trần Thị Thúy H, nơi thường trú: xã Đại Lộc, TP Đà Nẵng (là vợ của ông M) để nhận thêm 50.000.000 đồng tiền mặt. Một lúc sau, bà H gặp bị cáo Nh, bị cáo Nh viết giấy và nhận 50.000.000 đồng tiền mặt, nhưng cố tình viết và ký không đúng nét chữ của mình, viết sai số căn cước công dân mục đích là để ông M không thể tìm được bị cáo Nh nếu bị phát hiện.

Sau khi lấy tiền, bị cáo Nh tiếp tục dùng thủ đoạn khác để chiếm đoạt số tiền vận chuyển 20.000.000 đồng. Mặc dù không tìm được công nhân và không thuê được máy tời, nhưng bị cáo Nh vẫn liên hệ cho ông Trần T để thuê 02 xe khách loại 16 chỗ và 01 xe tải chở thiết bị từ trung tâm Đà Nẵng đến xã La Dê thì sẽ thanh toán tiền xe cả 02 ngày là 20.000.000 đồng, không đi thì cũng sẽ trả tiền cho xe đợi, nghe vậy ông T đồng ý. Ngày 31/08/2024, ông T liên hệ nhiều lần với bị cáo Nh để chở công nhân như thỏa thuận, nhưng bị cáo Nh nói dối là công nhân chưa đến nơi, đồng thời nhờ ông T nói dối với ông M là đang chờ công nhân và thiết bị lên công trình tại La Dê và yêu cầu ông M chuyển tiền vận chuyển cho ông T, ông T tin tưởng là do công nhân chưa đến và nghĩ nói vậy sẽ được nhận tiền vận chuyển nên ông T đồng ý nói dối ông M, ông M cũng đồng ý chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản của ông T. Khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo Nh nhắn tin nói ông T chuyển lại cho bị cáo Nh mượn 20.000.000 đồng mà ông M đã chuyển, bị cáo Nh nói dối rằng Công ty chưa chuyển tiền cho bị cáo Nh nên mượn để lo cho số công nhân dưới Đà Nẵng, khi nào Công ty cho tạm ứng thì bị cáo Nh

sẽ trả lại. Vì nghi ngờ bị cáo Nh đang lừa đảo ông M nên ông T nói với bị cáo Nh số tài khoản của ông T ngày hôm đó chuyển quá giới hạn rồi và yêu cầu bị cáo Nh tới nhà ông T để nhận tiền mặt. Lúc này, bị cáo Nh nghi ngờ hành vi lừa đảo của mình đã bị phát hiện nên bị cáo Nh không tới nhận mà bắt xe khách bỏ trốn về lại nhà tại Đắc Lắc và tiêu xài toàn bộ số tiền chiếm đoạt được vào mục đích cá nhân. Sau đó, do không liên lạc được với bị cáo Nh nên ông H được ông M ủy quyền đến Cơ quan Công an để tố cáo hành vi trên của bị cáo Nh. Quá trình điều tra, bị cáo Nh đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) điện thoại IPHONE XS Max, đã qua sử dụng, bị cáo Đồng Văn Nh sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, được niêm phong; 01 (một) thẻ visa Ngân hàng MB Bank, số serial 6Q4925S, là tài khoản Ngân hàng bị cáo Nh dùng để giao dịch nhận và chuyển tiền, đã được niêm phong.

Về dân sự: Gia đình bị cáo Đồng Văn Nh đã bồi thường số tiền 128.000.000 đồng, khắc phục hậu quả cho Công ty TNHH xây lắp Hoàng Minh Q, đại diện có ông Trương Văn M nhận số tiền này, đồng thời bị hại cũng làm đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đồng Văn Nh.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSKV11 ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 truy tố bị cáo Đồng Văn Nh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo

Bị cáo Đồng Văn Nh từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về dân sự: Gia đình bị cáo Đồng Văn Nh đã bồi thường số tiền 128.000.000 đồng, khắc phục hậu quả cho Công ty TNHH xây lắp Hoàng Minh Q, đại diện có ông Trương Văn M nhận số tiền này, đồng thời bị hại cũng làm đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đồng Văn Nh nên không xem xét.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công 01 (một) điện thoại IPHONE XS Max, đã qua sử dụng đã được niêm phong và đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo Nh 01 (một) thẻ visa Ngân hàng MB Bank, số serial 6Q4925S, là tài khoản Ngân hàng bị cáo Nh dùng để giao dịch nhận và chuyển tiền, đã được niêm phong.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nh khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo không có ý kiến gì về kết luận điều tra và quyết định truy tố. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, tại phiên tòa bị cáo Nh không có tranh luận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam (nay là Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Đà Nẵng), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1] Tại phiên tòa, Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. HĐXX căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Xét về hành vi phạm tội bị truy tố của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nh khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận vào tháng 8/2024, Hoàng Xuân H nhân viên Công ty TNHH xây lắp Hoàng Minh Q thỏa thuận với bị cáo Nh thi công 03 cột trụ điện 220kv tại xã La Dê, thành phố Đà Nẵng, với giá trị hợp đồng 972.000.000 đồng. Bị cáo Nh nhận lời thi công công trình này, nhưng đến ngày 30/08/2024, bị cáo Nh nhận thấy bản thân không đủ năng lực thi công, do thiết bị thi công không đảm bảo, không có khả năng thuê máy móc cần thiết, nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền từ Công ty TNHH xây lắp Hoàng Minh Q (do ông Trương Văn M, chức vụ Giám đốc). Bằng thủ đoạn gian dối của mình, bị cáo Nh đã chiếm đoạt thành công số tiền 110.000.000 đồng, cụ thể: Chiều ngày 30/8/2024, bị cáo Nh nhận 50.000.000 đồng từ ông M chuyển qua số tài khoản 0985465069. Ngày 31/8/2024, bị cáo Nh nhận 60.000.000 đồng từ ông Minh, trong đó: 10.000.000 đồng nhận qua số tài khoản 0985465069 và 50.000.000 đồng tiền mặt. Sau đó, bị cáo Nh bỏ trốn về Đắk Lắk và tiêu xài toàn bộ số tiền này. Quá trình điều tra, bị cáo Đồng Văn Nh đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó hành vi của bị cáo Đồng Văn Nh đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

[3.1] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo Đồng Văn Nh là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đưa ra thông tin giả, không đúng sự thật cho bị hại, hình thức thuê giúp máy tời và khung sắt để thi công công trình, làm cho người bị hại tin đó là sự thật và đã chuyển khoản 02 lần vào tài khoản của bị cáo Đồng Văn Nh với tổng số tiền là 110.000.000 đồng, sau khi nhận được tiền bị cáo đã cố tình trốn tránh và cố tình chiếm đoạt số tiền đó để dùng vào cho cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự và đời sống của nhân dân. Vì vậy, cần xử phạt một mức án nghiêm minh để răn đe, giáo dục đối bị cáo.

[3.2] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nh phạm tội hai lần trở lên, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nh mới phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra bị cáo Nh đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động với gia đình khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi lượng hình đối với bị cáo.

[4] Về dân sự: Gia đình bị cáo Đồng Văn Nh đã bồi thường số tiền 128.000.000 đồng, khắc phục hậu quả cho Công ty TNHH xây lắp Hoàng Minh Q, đại diện có ông Trương Văn M nhận số tiền này, đồng thời bị hại cũng làm đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đồng Văn Nh.

[5] Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2024 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[6] Tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam ((Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Đà Nẵng) về Điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” HĐXX xét thấy, bị cáo Nh có nghề nghiệp là lao động phổ thông, thu nhập không ổn định, nên không có điều kiện để thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ 01 (một) điện thoại IPHONE XS Max, đã qua sử dụng đã được niêm phong; Truyền trả cho bị cáo Đồng Văn Nh 01 (một) thẻ visa Ngân hàng MB Bank, số serial 6Q4925S, là tài khoản Ngân hàng đã được niêm phong.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- TP Đà Nẵng) quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/9/2025).

[9] Đối với đĩa DVD R16X chứa dữ liệu ghi hình có âm thanh buổi hỏi cung bị can Đồng Văn Nh ngày 22/8/2025 hiện đang lưu giữ theo hồ sơ, nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đồng Văn Nh.

Tuyên bố: Bị cáo Đồng Văn Nh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Đồng Văn Nh 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 18/11/2024.

Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu sung công 01 (một) điện thoại IPHONE XS Max, đã qua sử dụng đã được niêm phong; Tuyên trả lại cho bị cáo Đồng Văn Nh 01 (một) thẻ visa Ngân hàng MB Bank, số serial 6Q4925S, đã được niêm phong. *(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11-TP Đà Nẵng) quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/9/2025).*

Về án phí Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đồng Văn Nh phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, những người vắng tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng
- Các cơ quan tiến hành tố tụng

(Đã ký)

- Những người tham gia tố tụng
- Phòng HSNV CA.TP Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ, án văn.
- Thi hành án.

Nguyễn Nam Trung